

**CÔNG TY TNHH NHÀ THÔNG MINH BÌNH DƯƠNG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH NHÀ THÔNG MINH BÌNH DƯƠNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3702883753

**3. Ngày thành lập:** 16/06/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Lô VH - Ô02A, C14 - Khu đô thị mới, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                        | 4101(Chính) |
| 2.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                  | 4102        |
| 3.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                             | 4212        |
| 4.  | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                                                 | 4221        |
| 5.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                      | 4222        |
| 6.  | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                                                                        | 4229        |
| 7.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                               | 4299        |
| 8.  | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4311        |
| 9.  | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                        | 4312        |
| 10. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                           | 4330        |
| 11. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                      | 4390        |
| 12. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>(Trừ hoạt động bến thủy nội địa)                                                                                                                                                                              | 4663        |
| 13. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây<br>dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                  | 4752        |
| 14. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết : Bán buôn nguyên liệu, vật tư ngành gỗ. Bán buôn phế<br>liệu .(không chứa, phân loại, xử lý, tái chế phế liệu tại địa điểm<br>trụ sở chính; không kinh doanh các loại phế liệu gây ô nhiễm<br>môi trường) | 4669        |
| 15. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết : Kinh doanh hàng trang trí nội thất, kim khí điện<br>máy, đồ điện gia dụng                                                                                                                                               | 4649        |
| 16. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết : Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng công nghiệp                                                                                                                                                         | 4659        |

Thời gian đăng từ ngày 16/06/2020 đến ngày 16/07/2020

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 17. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                       | 4690 |
| 18. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                          | 4933 |
| 19. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ vàng miếng)                                                                                                                    | 4662 |
| 20. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |
| 21. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (trừ quầy bar, vũ trường)                                                                                              | 5610 |
| 22. | Dịch vụ phục vụ đồ uống (trừ quầy bar, vũ trường)                                                                                                                       | 5630 |
| 23. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                        | 4932 |
| 24. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                  | 7710 |
| 25. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ rượu trên 30 độ cồn                                                                                  | 4723 |
| 26. | Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp                                                                                                                                   | 8211 |
| 27. | Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn pháp lý)                                                                                                                           | 7020 |
| 28. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                          | 7911 |
| 29. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch (chỉ hoạt động lữ hành quốc tế sau khi có giấy phép của Tổng cục du lịch)           | 7990 |
| 30. | Điều hành tua du lịch<br>Chi tiết : dịch vụ du lịch lữ hành nội địa                                                                                                     | 7912 |
| 31. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết : đại lý bán vé máy bay                                                                                 | 5229 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

### **7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

### **8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: HOÀNG XUÂN HAI

Giới tính: Nam

Chức danh: *Chủ tịch công ty kiêm giám đốc*

Sinh ngày: 17/01/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 271655478

Ngày cấp: 07/05/2013

Nơi cấp: Công An Đồng Nai

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Ấp Thoại Hương, Xã Xuân Đông, Huyện Cẩm Mỹ, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Ấp Thoại Hương, Xã Xuân Đông, Huyện Cẩm Mỹ, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương